

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2024
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Tấn.

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

- Hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Thạch U – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân huyện Càng Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số 442/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1994 (*Có mặt*).

Nơi đăng ký thường trú: ấp Long Trị, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp Hưng Nhượng B, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm: 1989 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-4-2023, các bản tự khai ngày 05-9-2024, 04-12-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn N đi đến hôn nhân do tự quen nhau, được hai bên gia đình đồng ý, tiến hành lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 11-8-2015. Nữ trang ngày cưới chỉ có đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, nhưng quá trình chung sống vợ chồng thống nhất bán để sử dụng chung nên hiện không còn. Sau ngày cưới, chị về sống chung làm dâu bên nhà chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi mọi việc trong cuộc sống hàng ngày, không còn quan tâm, tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nên đã tự sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay mà không hàn gắn lại được. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn N.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn N có 02 con chung là Lê Nguyễn Anh T - sinh ngày 08-7-2011 và Lê Nguyễn Gia B - sinh ngày 12-01-2013. Thời gian chị và anh N ly thân thì 02 con sống chung với chị bên nhà ngoại tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài những giấy tờ đã nộp có trong hồ sơ vụ án, chị xác định không nộp thêm chứng cứ mới để Tòa án xem xét, không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Đối với bị đơn anh Lê Văn N: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh N đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Qua xác minh với chính quyền địa phương ấp L, xã B cho biết từ trước đến nay anh N có đăng ký thường trú tại địa phương, sinh sống cùng nhà với cha mẹ ruột là ông Lê Văn T1, bà Võ Thị L, sau khi anh N cưới vợ là chị Nguyễn Thị M thì có một thời gian cất nhà ra riêng ở sát bên nhà ông T1, bà L tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh N đến tham dự phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng anh N tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại 02 Đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 02-01-2024, con chung là hai cháu Lê Nguyễn Anh T, Lê Nguyễn Gia B cùng trình bày: Cha mẹ hai cháu là Nguyễn Thị M và Lê Văn N. Hiện 02 cháu đang sống chung với mẹ. Trường hợp cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của hai cháu là muốn được tiếp tục sống chung với mẹ, vì sống với mẹ đã quen.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị M có mặt vẫn giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày, không cung cấp chứng cứ gì thêm. Đối với bị đơn anh N vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân

sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M: Cho chị M được ly hôn với anh Lê Văn N; Về con chung là Lê Nguyễn Anh T - sinh ngày 08-7-2011 và Lê Nguyễn Gia B - sinh ngày 12-01-2013 giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là muốn sống với mẹ; Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị M chưa đặt ra yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, V đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Lê Văn N là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng anh N đều vắng mặt không lý do. Ngày 28-3-2024, Tòa án triệu tập hợp lệ anh N đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh N vắng mặt không lý do. Ngày 05-4-2024, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với anh N đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh N vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Văn N.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 11-8-2015, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian dài chung sống hạnh phúc, đến năm 2023, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn. Chị M cho rằng nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi mọi việc trong cuộc sống hàng ngày, không còn quan tâm, tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2023 đến nay mà

không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị M cương quyết xin được ly hôn với anh N. Đối với anh Lê Văn N, qua xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương ấp L, xã B mặc dù hiện nay anh N đi làm ăn ở nơi khác, nhưng vẫn thường xuyên trở về địa phương chung nhà với cha mẹ ruột; Cha mẹ anh N có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án để chuyển cho anh N như thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên đối chất,..., xác nhận anh N có biết việc chị M khởi kiện ly hôn với anh N, nhưng do anh N bận đi làm, nên không đến Tòa án được, cũng không cung cấp lời khai, không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh N với chị M.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Chị M, anh N xác lập hôn nhân từ năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian dài. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, khi bất hòa xảy ra, vợ, chồng không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, dẫn đến cự cãi, tự ý sống ly thân nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”; Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”. Nhưng chị M, anh N đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau.

[5] Theo Biên bản xác minh ngày 14-3-2024 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp L, xã B cho biết: Sau ngày cưới, chị M, anh N có về sống chung gia đình cha mẹ ruột của anh N tại ấp L một thời gian thì ra riêng sống tự lập cất nhà ở sát bên nhà cha mẹ anh N. Về mâu thuẫn cụ thể trong cuộc sống chung giữa chị M, anh N thì chính quyền địa phương không nắm rõ, nhưng có biết mối quan hệ giữa chị M với gia đình chồng không hòa thuận, chị M đã dắt theo 02 người con bỏ về ở bên nhà cha mẹ ruột chị M vài năm nay không trở lại ấp L. Quá trình sinh sống tại ấp L, chị M, anh N không tranh chấp tài sản chung với nhau hoặc với ai, không tranh chấp hay khiếu nại gì về nợ chung với ai. Việc chị M xin ly hôn với anh N, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với cha mẹ ruột anh N thì từ chối không đồng ý cho Tòa án tiếp xúc xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị M với anh N vì họ cho rằng họ không có liên quan.

[6] Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị M với anh N đã được thụ lý, giải quyết theo Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa từ ngày 27-6-2023, mặc dù Hòa giải viên có giấy mời hợp lệ nhiều lần, nhưng anh N vẫn không hợp tác, không đến Tòa, nên vụ kiện được Tòa án chuyển sang thụ lý, giải quyết theo tố tụng. Sau khi thụ lý, Tòa án tiếp tục mời hòa giải vào các ngày 04-12-2023, 17-01-2024 để chị M, anh N có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Anh N không thể hiện mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị M, mà anh còn rời khỏi địa phương và không thông báo địa chỉ nơi đến cho Tòa án biết.

[7] Qua cung cấp thông tin từ người thân phía gia đình chị M, từ khoảng tháng 02 năm 2023 khi chị M dẫn theo 02 con về ở luôn bên nhà cha mẹ ruột tại ấp H, xã P, thì anh N hoàn toàn không tới lui thăm nom con chung lần nào, cũng không liên hệ hàn gắn hôn nhân với chị M.

[8] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng chị M, anh N đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn với anh N là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho chị M được ly hôn với anh N.

[9] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn N có hai người con chung tên Lê Nguyễn Anh T - sinh ngày 08-7-2011 và Lê Nguyễn Gia B - sinh ngày 12-01-2013, hiện đang sống chung với chị M. Tại 02 Đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 02-01-2024, hai cháu T và B đều nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Và xét thực tế thời gian chị M, anh N sống ly thân cho đến nay hai cháu T và B vẫn được chị M chăm sóc tốt, đảm bảo sức khỏe, việc học hành của 02 cháu. Do đó, cần xử cho chị M được quyền nuôi con là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì chị M chưa đặt ra yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đối với chị Nguyễn Thị M xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, đối với anh Lê Văn N không có lời khai, không cung cấp chứng cứ liên quan, không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[11] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Nguyễn Thị M xác định quá trình chung sống chị và anh Lê Văn N không nợ ai, cũng không ai nợ chị và anh N, không yêu cầu giải quyết. Đối với anh N đều vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa, nên không có lời trình bày của anh về xác định nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét.

[12] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[13] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 21, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Nguyễn Anh T - sinh ngày 08-7-2011 và Lê Nguyễn Gia B - sinh ngày 12-01-2013 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là muốn được sống chung với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị M chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn N không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0019619 ngày 13-11-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Bình Phú;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo